CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam

Ngày 30/06/2025	1,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần
Q2/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q2/25
-0.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.25| -46.9%
YoY: ▲ 0.29| 27.2%

LN sau thuế
Q2/25
-0.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.66| -120%
YoY: ▲ 0.29| 27.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

ROE (TTM)
Q2/25
1.5%
YoY: +/-▲ 0.2%

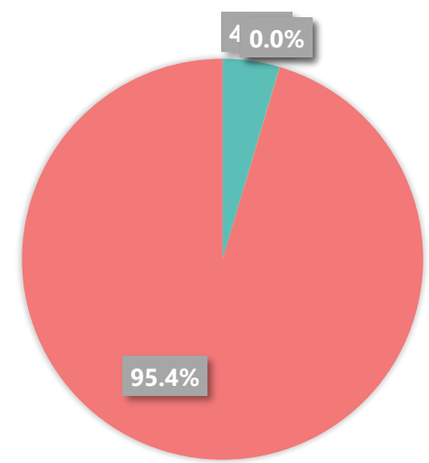
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 2,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	240
Số lượng CPLH (CP)	150,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	457,550
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.36
EPS	14
P/E	116.0

DT thuần
6T 2025
0
tỷ VNĐ

LN thuần
6T 2025
-1.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.30| 18.4%

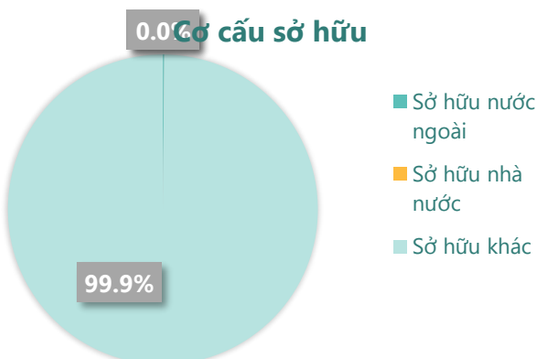
LN sau thuế
6T 2025
3.10
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.71| 293%

Cơ cấu cổ đông



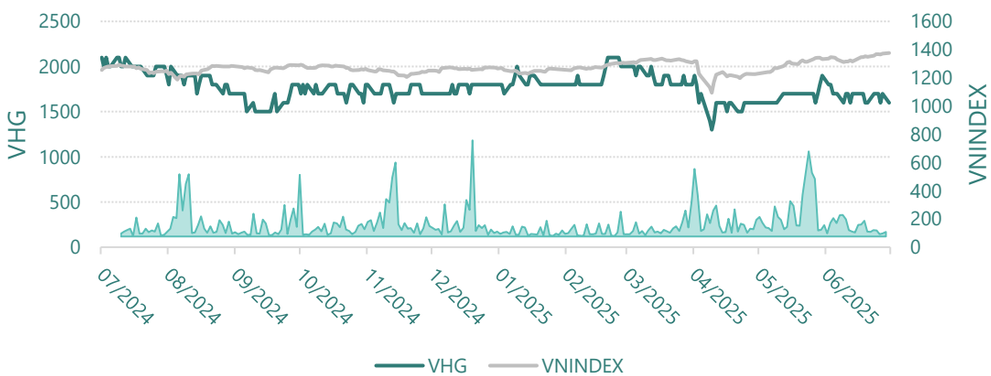
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



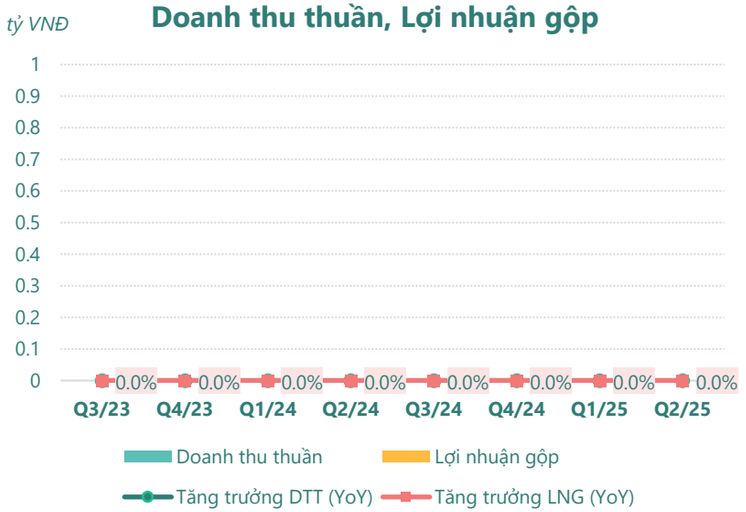
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



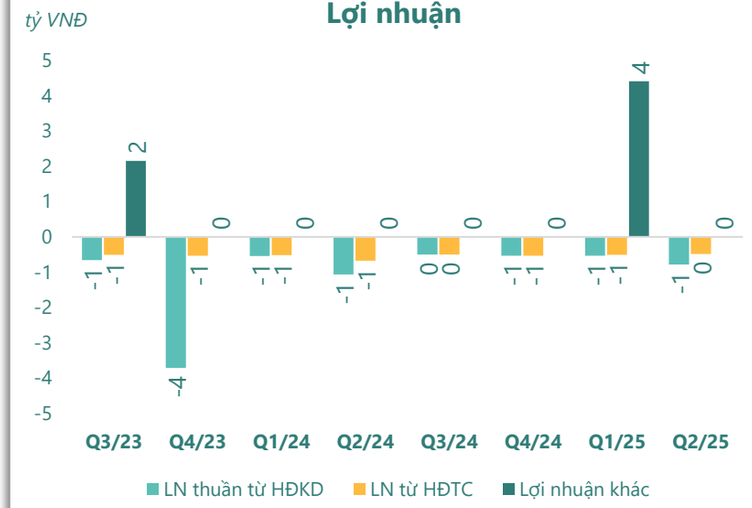
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



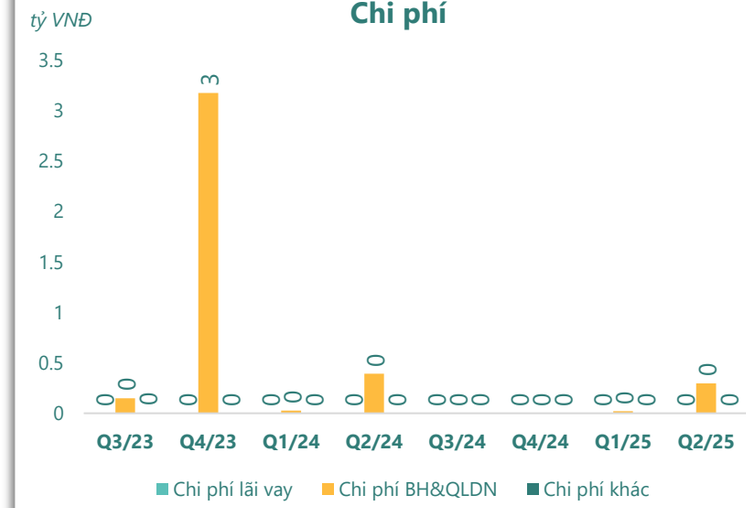
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



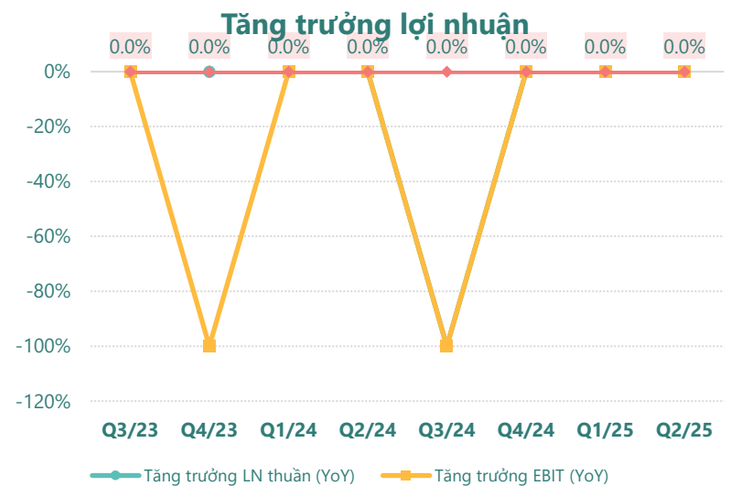
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



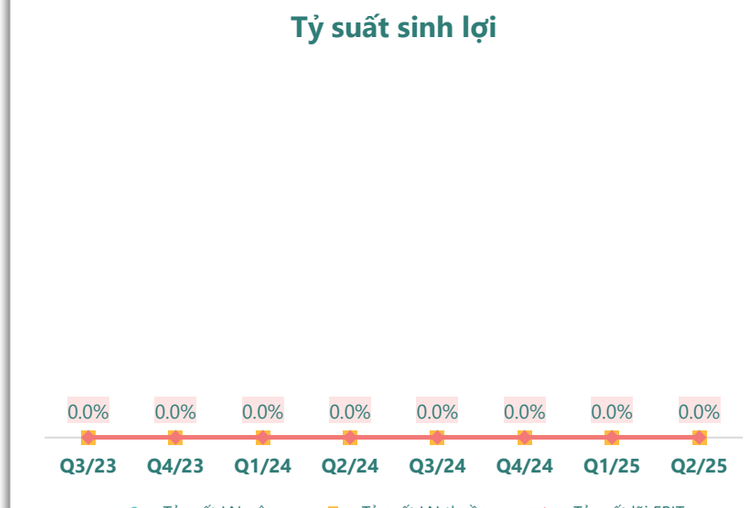
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



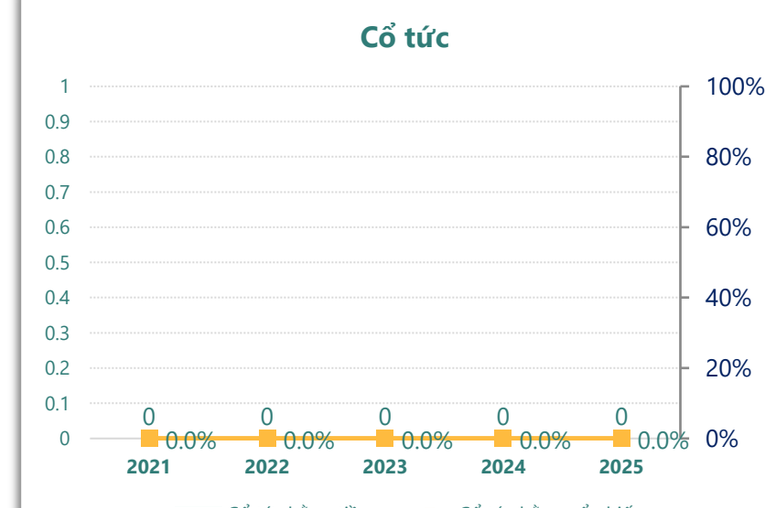
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

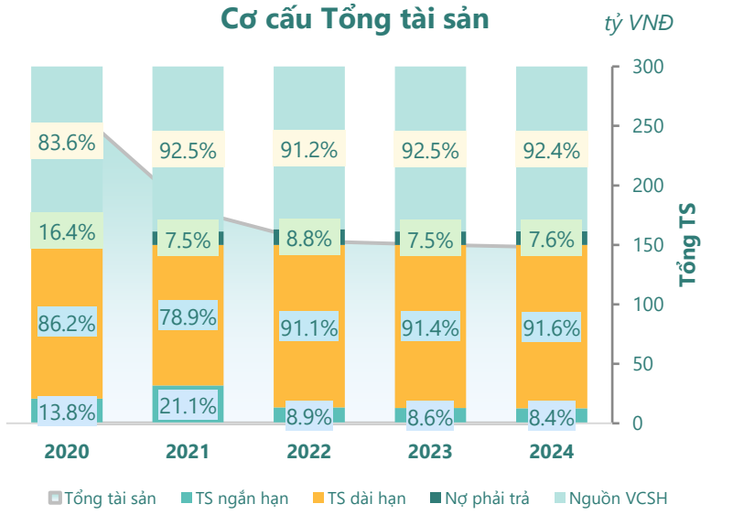
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

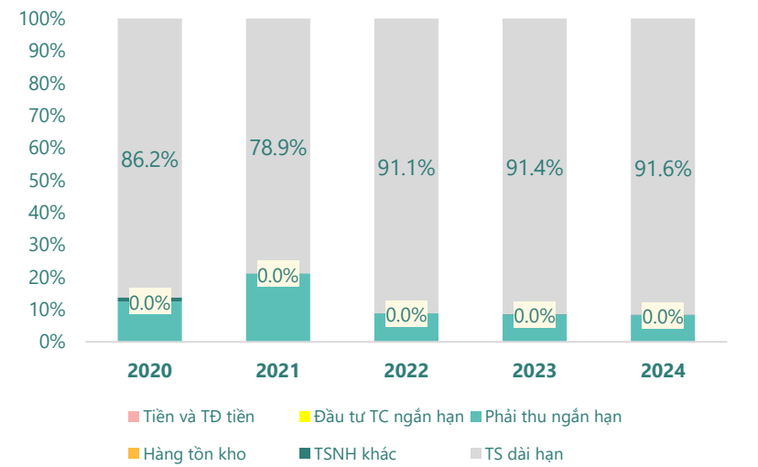
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



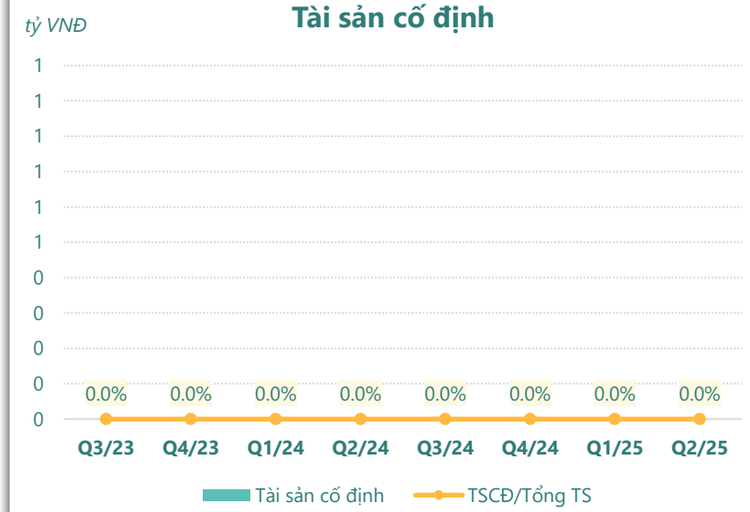
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



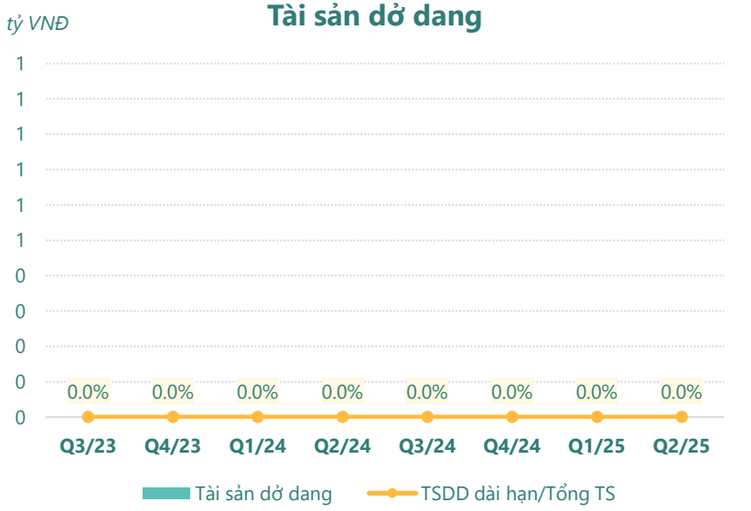
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



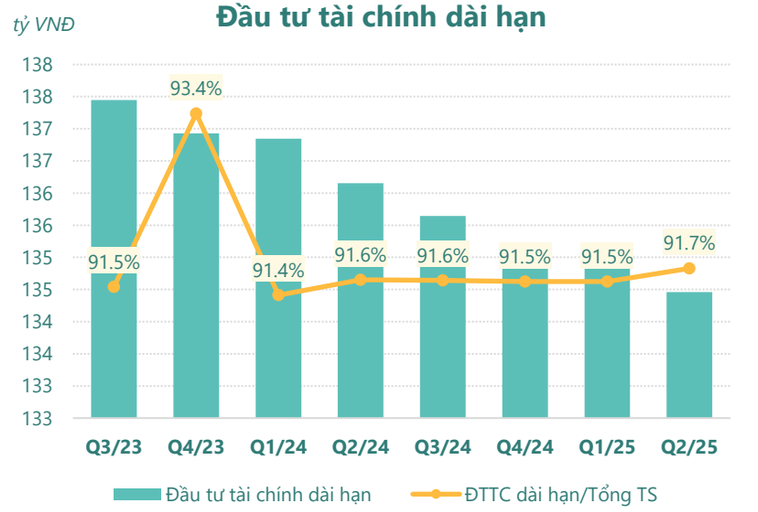
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



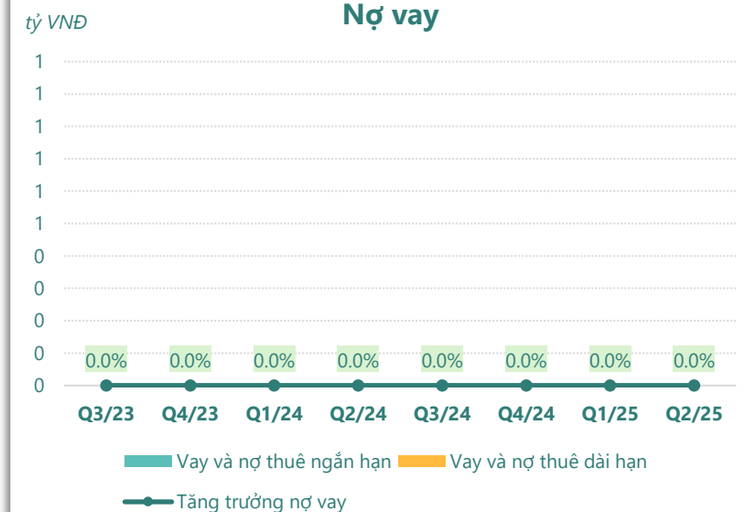
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

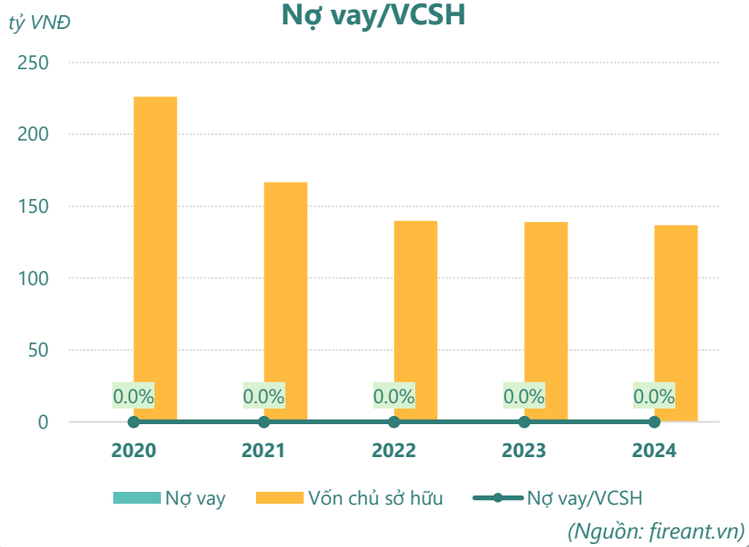
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

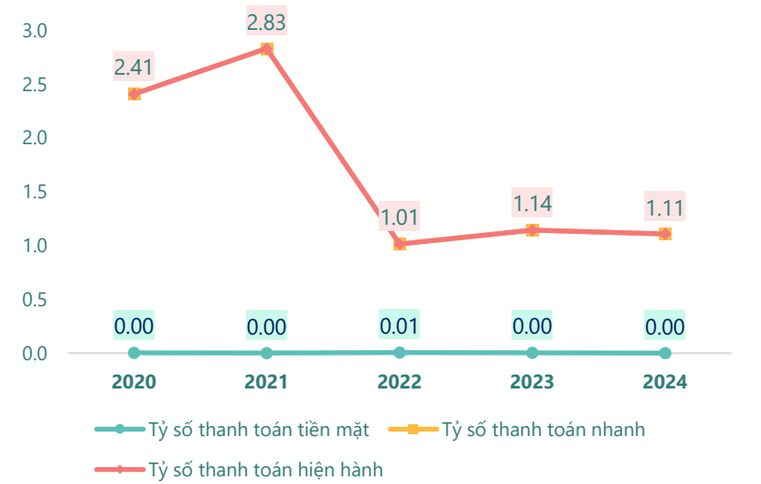
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



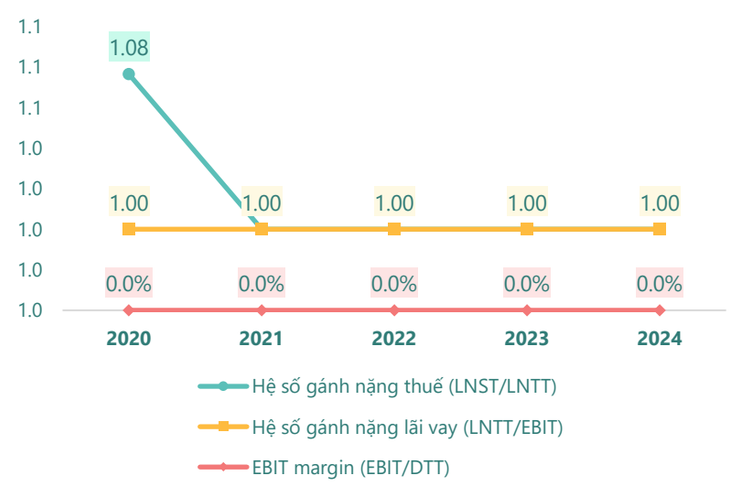
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



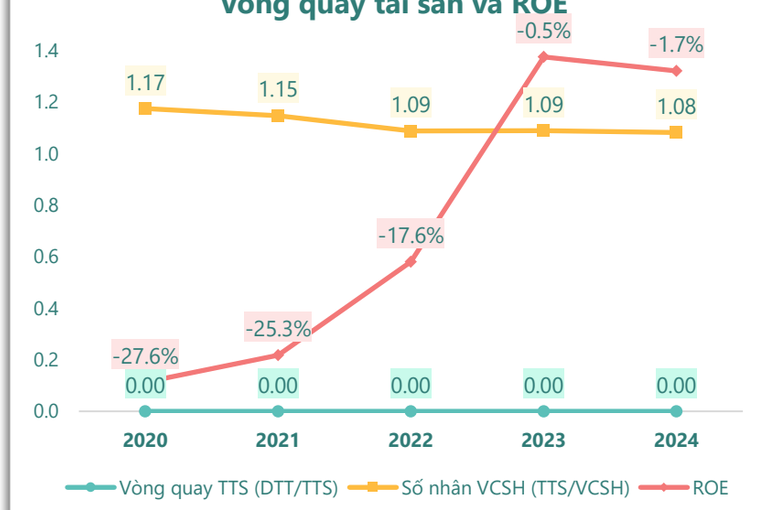
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



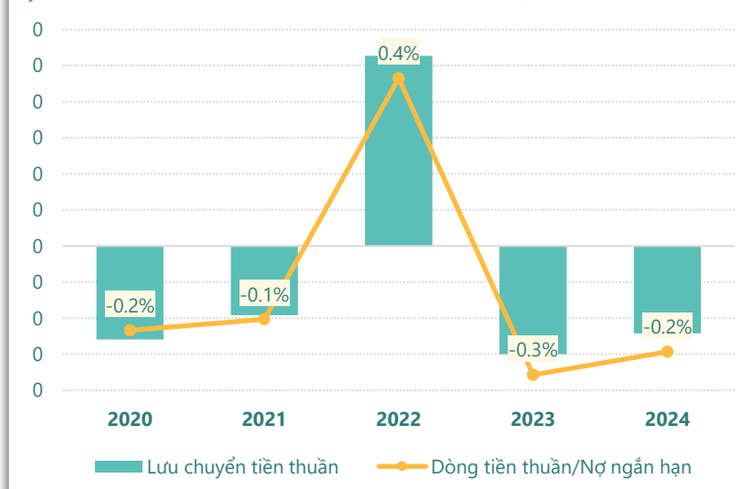
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	21.8%
Chi phí TC	0.48	0.68	-29.0%	1.00	1.19	-16.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.30**	**0.39**	**-24.1%**	**0.32**	**0.42**	**-24.2%**
LN thuần từ HĐKD	-0.78	-1.07	27.2%	-1.31	-1.61	18.4%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**4.41**	**0**	
LN trước thuế	-0.78	-1.07	27.2%	3.10	-1.61	293%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.78**	**-1.07**	**27.2%**	**3.10**	**-1.61**	**293%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.78**	**-1.07**	**27.2%**	**3.10**	**-1.61**	**293%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.00	-0.01	0.00	0.00	-0.01	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0	0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.04	0.04	0.02	0.02	0.02	0.00
Lưu chuyển tiền thuần	**0.00**	**-0.01**	**0.00**	**0.00**	**-0.01**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.04	0.02	0.02	0.02	0.00	0.00

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**147**	**148**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	12.2	12.5	-2.4%
Tiền và tương đương tiền	0.00	0.02	-79.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.07	0.07	-2.5%
Phải thu ngắn hạn	11.8	12.1	-2.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.28	6.2%
Tài sản dài hạn	**134**	**135**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	134	135	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.88	11.3	-39.0%
Nợ ngắn hạn	**6.88**	**11.3**	**-39.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.83	0.81	1.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**140**	**137**	**2.3%**
Vốn chủ sở hữu	**140**	**137**	**2.3%**
Vốn điều lệ	1,500	1,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)